

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Thúy Hà.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Hệ.

2. Ông Phạm Minh Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Nam - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 151/2021/TLST - HNGĐ ngày 09/11/2021, về việc *“tranh chấp ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Vũ Thị Th**, sinh năm 1971; HKTT: Khu 4, chi Th *“có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”*.

2. *Bị đơn:* **Vũ Văn B**, sinh năm 1965; HKTT: Khu 4, chi Th; Hiện trú tại: số nhà 47 đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên *“có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn Vũ Thị Th trình bày như sau:*

Chị và anh Vũ Văn B có thời gian tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau hôn lễ, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung. Thời gian đầu anh chị sinh sống tại xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (quê gốc của chị Th và anh B); đến tháng 6/2004, chuyển về Khu 4, chị Th đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống làm ăn ở đây. Năm 2013, anh B chuyển về thành phố Hưng Yên mở cửa hàng và tạm trú tại phường L, thành phố H. Quá trình chung sống, chị và anh B không hạnh phúc. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên không tôn trọng nhau. Mặt khác, chị có rất nhiều áp lực trong việc làm ăn, kinh doanh nhưng không cảm nhận được sự quan tâm, chia sẻ của anh B. Vì vậy, từ năm 2012 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh B nên chị đề nghị Tòa án thành phố Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: chị và anh B có hai con chung là cháu Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và cháu Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Vũ Văn B trình bày:* xác nhận giống như chị Th về quá trình anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, tôn trọng nhau nên sống ly thân từ năm 2012 đến nay không có giải pháp khắc phục. Nay chị Th đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung: anh, chị có hai con chung là Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003. Hiện nay, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố tiến hành xác minh, cụ thể như sau:*

UBND phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: anh Vũ Văn B và chị Vũ Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 4, chị Th. Qua tra cứu sổ

đăng ký kết hôn lưu thể hiện: anh B và chị Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thực tế anh B và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung là Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003.

UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình cung cấp: anh Vũ Văn B và chị Vũ Thị Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

UBND phường L, thành phố H cung cấp: anh Vũ Văn B và chị Vũ Thị Th không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại phường.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị Vũ Thị Th và anh Vũ Văn B đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*** Tại phiên tòa hôm nay:** Nguyên đơn chị Vũ Thị Th và anh Vũ Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đều thể hiện vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung và về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại điều 225, từ điều 227 đến điều 229, điều 234, 239, điều 247 đến 258, điều 260 đến 262 BLTTDS; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71, 72 BLTTDS. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 9, 14, 51, 53 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều Điều 70, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Vũ Thị Th và anh Vũ Văn B không phải là vợ chồng; về con chung: chị Th và anh B có hai con chung là Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; Về tài sản chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: chị Vũ Thị Th và anh Vũ Văn B có thời gian tự do tìm hiểu và làm lễ thành hôn theo nghi lễ truyền thống nhưng không làm thủ tục đăng ký kết

hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, do không hạnh phúc nên chị Th đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án về việc ly hôn với anh B. Hiện nay, anh B đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hưng Yên, đồng thời đều thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên làm nơi giải quyết yêu cầu ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp ly hôn*”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị Th và anh B, HĐXX thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh B có tổ chức lễ thành hôn theo nghi lễ truyền thống nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đến nay, cả hai anh, chị đều xác định quá trình chung sống không hạnh phúc và đều không có giải pháp khắc phục những mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC, ngày 06/01/2016, HĐXX không công nhận Chị Th và anh B là vợ chồng.

Về con chung: chị Th và anh B có hai con chung là Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003, đều đã thành niên nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vũ Thị Th và anh Vũ Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Th và anh B có hai con chung là Vũ Văn C, sinh ngày 27/7/1991 và Vũ Xuân D, sinh ngày 22/9/2003, đều đã thành niên nên không đề nghị giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Đối trừ với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001056 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- VKSND thành phố Hưng Yên.
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên.
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đào Thúy Hà